TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 28-5-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 727/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Thu N, sinh năm 1995; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Hữu P, sinh năm 1990; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố A P, phường A T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu N trình bày:

Chị và anh P chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T (nay là phường A T). Sau khi cưới, cha mẹ chị xây nhà cho vợ chồng ra riêng trên đất của cha mẹ chị tại ấp A P, xã A T (nay là khu phố A P, phường A T). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P

thường xuyên ghen tuông rồi đánh đập chị, chị có nộp đơn ly hôn anh P tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng nhưng do anh P năn nỉ chị, hứa sửa đổi và cha mẹ hai bên khuyên can nên chị rút đơn cho anh P cơ hội. Nhưng sau khi chị rút đơn ly hôn anh P vẫn tiếp tục ghen rồi đánh chị nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 đến nay mặc dù vẫn sống chung nhà. Từ khi ly thân chị và anh P không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Dương Hà P, sinh ngày 29-02-2012 và Dương Tấn Đ, sinh ngày 16-02-2016, hiện hai con đang sống chung nhà với vợ chồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập anh P đến Toà lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh P cố tình vắng mặt nên không thể hiện được lời trình bày và yêu cầu của anh P.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Thu N yêu cầu được ly hôn anh Dương Hữu P.

Về con chung: Giao cháu Dương Hà P, sinh ngày 29-02-2012 và Dương Tấn Đ, sinh ngày 16-02-2016 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Hữu P vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T (nay là phường A T) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N trình bày là do anh P thường hay ghen tuông rồi đánh chị. Chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng do anh P hứa sửa đổi và được cha mẹ hai bên khuyên can nên chị rút đơn để cho anh P có cơ hội sửa đổi. Tuy nhiên, sau khi chị N rút đơn ly hôn, anh P vẫn không thay đổi nên vợ chồng tự ly thân từ năm 2019 đến nay nhưng vẫn sống chung nhà. Qua xác minh tại địa phương không thể hiện được giữa chị N và anh P có mâu thuẫn gì hay không, đồng thời Tòa án đã nhiều lần mời anh P đến Tòa làm việc, hòa giải nhưng anh P không đến, cho thấy anh P không có thiện chí hàn gắn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh P trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị N và anh P có hai con chung là cháu Dương Hà P, sinh ngày 29-02-2012 và Dương Tấn Đ, sinh ngày 16-02-2016. Nay chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung. Toà án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu P, cháu có nguyện vọng được theo sống với chị N. Đối với cháu Đ, hiện cháu chỉ mới 04 tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, có cơ sở giao chị N được quyền nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu N được ly hôn anh Dương Hữu P.

2. Về con chung: Giao chị Hồ Thị Thu N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Hà P, sinh ngày 29-02-2012 và Dương Tấn Đ, sinh ngày 16-02-2016.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Hồ Thị Thu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017736 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị N biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Linh Ngọc